



Website:diliwaco.com
MSDN: 5800831612
Số :01-2022/ TB-ĐHĐCĐ

Di Linh, ngày 31 tháng 5 năm 2022

THÔNG BÁO

MỜI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH

Kính gửi: **CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

Chủ tịch hội đồng quản trị công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh triệu tập và trân trọng kính mời tất cả các **CỔ ĐÔNG** của công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh chốt danh sách đến ngày **31/12/2021** đến tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh với nội dung như sau:

1. Thời gian: Lúc 13^h00, thứ sáu, ngày **10 tháng 6 năm 2022**.
2. Địa điểm: Hội trường công ty; số 524- đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh; huyện Di Linh, tỉnh Lâm đồng.
3. **Nội dung đại hội đồng cổ đông năm 2022: Thảo luận, xem xét và thông qua các vấn đề sau:**
 - 3.1 Tờ trình số 01 về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
 - 3.2 Tờ trình số 02 về việc thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của công ty năm 2021;
 - 3.3 Tờ trình số 03 về việc thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021;
 - 3.4 Tờ trình số 04 về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình kiểm soát và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021;
 - 3.5 Tờ trình số 05 về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến mức chia cổ tức năm 2022;
 - 3.6 Tờ trình số 06 về việc thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện báo cáo kiểm toán BCTC của công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh năm 2022;
 - 3.7 Tờ trình số 07 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021;

3.8 Tờ trình số 08 thông qua việc sửa đổi điều 2 điều lệ năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh;

3.9 Dự thảo Nghị quyết đại hội;

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT-BKS
- Ban điều hành (*Phối hợp thực hiện*);
- Đăng trên website cty:diliwaco.com
- Lưu VT,Lưu TK HĐQT;

Ghi chú: Quý vị cổ đông có thể đăng nhập vào website của công ty tại địa chỉ: diliwaco.com để tải tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022./.

NGUYỄN VĂN THỌ



16/05/2022



NƯỚC SẠCH-TẬN TÂM PHỤC VỤ

Di Linh, ngày 10 tháng 6 năm 2022

**PHIẾU ĐĂNG KÝ
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
2021-2022**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước
và xây dựng Di Linh.**

Tên cổ đông:.....
Số CMND/Hộ chiếu:....., ngày cấp....., nơi cấp.....
Số và ngày Quyết định thành lập/Số ĐKKD (đối với tổ chức):.....
Địa chỉ liên hệ :.....
Số điện thoại:....., Số fax:.....
Email:.....

Đăng ký tham dự **Đại hội đồng cổ đông thường niên (2021-2022)** của Công ty Cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh được tổ chức vào lúc **13^h 00** ngày **10/6/2022**; với:

Số cổ phần biểu quyết là:..... cổ phần.
(Bằng chữ:.....)

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu là: cổ phần.
- Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần.

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội đồng cổ đông thường niên (2021-2022) của Công ty Cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh.

....., ngày ... tháng ... năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



NƯỚC SẠCH-TẬN TÂM PHỤC VỤ

Di Linh, ngày 10 tháng 6 năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021-2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp nước-xây dựng Di Linh.

Theo thông báo về việc tổ chức **Đại hội đồng cổ đông thường niên (2021-2022)** của Công ty Cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh được tổ chức vào lúc 13^h00 ngày 10/6/2022;

NGƯỜI ỦY QUYỀN:

Tên cổ đông: Mã số cổ đông:

Giấy CMND số:..... cấp ngày..... tại

Số cổ phần sở hữu tại ngày chốt tại ngày 31/12/2021 là :**CỔ PHẦN**

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

Ông, bà:..... Mã số cổ đông:

Giấy CMND số:..... cấp ngày..... tại.....

NỘI DUNG ỦY QUYỀN: *Vui lòng stick vào phần ủy quyền bên dưới:*

Người được ủy quyền được thay mặt tôi tham dự và biểu quyết tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên (2021-2022)** của Công ty Cổ phần cấp nước-xây dựng Di Linh với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi đang sở hữu vào ngày chốt sổ tại 31/12/2021 và Đại diện hợp pháp cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh.

Người được ủy quyền được thay mặt tôi tùy **chọn** và **quyết định** đối với mọi vấn đề đưa ra hợp lệ tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên (2021-2022)** của Công ty Cổ phần cấp nước-xây dựng Di Linh;

Người được ủy quyền đồng ý với nội dung ủy quyền trên và ký chấp thuận dưới đây sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Since 2009

DILIWACO

BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021-2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH
Cho niên độ tài chính kết thúc 31/12/2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CTY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH

Thời gian Đại hội: ½ ngày, bắt đầu lúc 13^h 00; thứ 6 ngày 10/6/2022.
Địa điểm: Hội trường văn phòng Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Di Linh.
Số 524-Hùng Vương- TT Di Linh- huyện Di Linh - tỉnh Lâm Đồng;



*(Quý vị cổ đông có thể đăng tải vào website: diliwaco.com để tải tài liệu và
đăng ký tham dự Đại hội)*

Di Linh, ngày 25 tháng 5 năm 2022

PHẦN I- BÁO CÁO QUẢN TRỊ

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG ÁN NĂM 2022 – ĐỊNH HƯỚNG 2025

I/ PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

1. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Căn cứ theo kết quả báo cáo đính kèm các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh, trong năm 2021, Ban giám đốc Cty và toàn thể cán bộ công nhân viên đã hoàn thành được nhiều kết quả:

1.1 Các thay đổi về công nghệ ghi thu, điều hành, quản lý

- Tiếp tục nâng cấp công nghệ xử lý nước, điều hành mạng lưới, trực và điều khiển bằng điều khiển tự động, nâng cấp công nghệ trên toàn thể công ty, áp dụng hoá đơn điện tử, phần mềm ghi thu, thay đổi phương án quản lý ghi, thu hiệu quả và tiết kiệm dần chuyển dịch sang phương án chuyển khoản ngân hàng kết hợp với các phần mềm ứng dụng và cải tiến ghi thu một lần từng bước áp dụng giai đoạn I với thị trấn và lộ trình đối với khách hàng các xã;

1.2 Các phương án thay đổi về công tác quản lý nhân sự

+ Khoán việc, khoán nhân sự, phân công nhiệm vụ cho đội sửa chữa cấp nước và ống nhánh, từng bước điều chỉnh phương án ghi thu và quản lý hệ thống chuẩn thu, thuỷ lượng kế và công tác điều hành sản xuất, áp dụng công nghệ đạt nhiều kết quả, nhân sự trong các bộ phận Kỹ thuật, sửa chữa, XDCB có nhiều biến động do nhiều yếu tố tác động từ kinh tế, xã hội và tính chất yêu cầu công việc, sự phù hợp lao động và yêu cầu thích nghi công việc;

+ Giảm tỷ lệ thất thoát trên hệ thống bị ảnh hưởng nhiều bởi công trình giao thông, di dời trên địa bàn huyện, cũng như điều chỉnh giảm nhân sự quản lý vận hành, hoàn thiện bộ máy tổ chức, xây dựng mô hình khoán việc tăng hiệu quả và giảm chi phí kết hợp tự động hoá, áp dụng công nghệ và thay đổi chuyển biến trong cơ cấu lao động, tay nghề trình độ và xây dựng sáng tạo, cải cách rõ rệt;

Đảm bảo mức lương bình quân cho người lao động tăng với kế hoạch, nhân sự hiện tại trong đó số công nhân có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và đã được đào tạo qua trường lớp tăng so với các năm trước cho thấy đã có sự thay đổi trong trình độ, tay nghề có chuyển biến, Cty đã có những thay đổi trong quy chế trả lương, khoán và cơ chế tuyển dụng đào tạo và sử dụng lao động;

- Việc tạo công việc và hỗ trợ đào tạo, học tập, nâng cao tay nghề, đấu thầu đạt nhiều kết quả, từng bước xây dựng năm lực để đảm bảo công ty đủ điều kiện xin cấp năng lực tổ chức về xây lắp, giám sát, thiết kế trong năm 2022-2023;

- Nhân sự có sự thay đổi, do thay đổi môi trường làm việc, gia đình và sự thay đổi chung về tình hình Covid- dịch bệnh và thay đổi khác của kinh tế, xã hội Di Linh nên nhân sự Cty có thay đổi người công nhân nghỉ việc, nhân sự mới xin việc, cán bộ kỹ thuật, Cty đảm bảo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có sự chuyển biến

về trình độ đào tạo, chuẩn bị nhân sự cho sự phát triển và chuyển tiếp cho các năm sau;

1.3 Công việc xây dựng cơ bản và các kết quả xây lắp đạt được trong năm 2022

+ Với doanh thu XDCCB năm 2022 những công trình bên ngoài vốn ngân sách chủ yếu là đường ống cấp nước để phục vụ cấp nước cho các xã vùng sâu, vùng xa và đang trong giai đoạn triển khai đầu nối ống nhánh để phát triển khách hàng;

+ Cty đã từng bước hoàn thiện năng lực, tham gia các gói thầu từ 1,2 tỷ đến 2,8 tỷ từ các nguồn vốn ngân sách;

+ Các công trình dang dở năm 2021 do nhiều yếu tố tác động như Dịch bệnh, quá tải về khối lượng công việc và thiếu hụt nhân sự lao động, dẫn đến tiến độ, chất lượng khối lượng công trình nên công việc xây lắp còn nhiều điểm chưa đạt chuẩn;

1.4 Công tác phòng chống thất thoát và kiểm tra quy chế

- Công tác chống thất thoát đạt rất nhiều kết quả, công tác kiểm tra, giám sát kết hợp giải pháp công nghệ biến tần điều hành mạng, giảm áp lực bơm và gắn đồng hồ tổng các nhánh để kiểm soát tốt hơn thất thoát;

- Đảm bảo công tác xả tuyến, xả mạng và hỗ trợ địa phương trong công tác di dời hệ thống phục vụ cho các công trình mở rộng đường giao thông, mạng lưới mở rộng về xã Tân Châu, Đinh Lạc, Bảo Thuận, Liên Đàm và Hoà Ninh, Đinh Trang Hoà mạng lưới mở rộng hơn 60 KM đường ống dẫn đến nhân sự hỗ trợ phục vụ quá tải, cần tăng cường thêm từ 7 – 10 nhân sự cho mạng lưới mở rộng;

1.5 Công tác phát triển đảm bảo công suất cấp nước và chất lượng nước

Các giếng khoan khai thác từ 35 – 72 m³/ giờ ổn định từ chất lượng, lưu lượng và đảm bảo công tác dự phòng đánh dấu những kết quả đạt được của toàn thể công ty trong công tác chuẩn bị nguồn nước và ứng phó với biến đổi khí hậu, kịp thời đưa các giếng vào chạy thử, cung cấp nước kịp thời giờ cao điểm, ngày lễ, tết đảm bảo cấp nước được liên tục;

Năm 2022-2023 đã hoàn thành thực hiện xin cấp quyền khai thác, và gia hạn cho các giếng đảm bảo an toàn vùng cấp nước theo đúng quy định;

Các giếng khoan khảo sát, bổ cập và cấp nước ở các xã được triển khai theo kế hoạch đại hội giai đoạn 2021-2023;

1.6 Công tác mở rộng cấp nước về các xã năm 2022

Cty đã làm việc với UBND huyện Di Linh, xã Hoà Ninh, Hoà Nam, Đinh Trang Hoà, Tân Châu, Liên Đàm và Đinh Lạc, Tân Nghĩa, để triển khai mở rộng hệ thống cấp nước về các xã, xin thuê, mượn đất chưa sử dụng và lập các phương án để xây dựng nguồn nước, chuẩn bị cho phương án lâu dài cấp nước và mở rộng mạng lưới đã đạt được nhiều sự đồng thuận, ủng hộ để triển khai xây dựng;

Xã Gia Hiệp và các xã lân cận đề nghị Cty triển khai mở rộng hệ thống cấp nước ra cho người dân khu vực và cấp nước cho các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Di Linh;

2/ PHẦN THỨ HAI: CÁC HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TỒN ĐONG

+ Khó khăn về vốn:

- Hạn chế nguồn vốn đầu tư, Cty có số vốn tái đầu tư hạn chế trong khi nhu cầu mở rộng nâng cấp nguồn nước về các xã đảm bảo sự phát triển khách hàng của



Cty, định hướng cải tạo công nghệ cấp nước và chất lượng nước cần được nâng cao đặc biệt mở rộng khách hàng, mạng lưới và nâng cấp công nghệ;

- Việc đáp ứng nguồn nước để phục vụ cho công trình nước WB21 nên công ty phải đầu tư nâng công suất đảm bảo đủ nguồn nước cho dự án triển khai, tận dụng nguồn vốn đầu tư tuyến ống và đồng hồ từ nguồn vốn hỗ trợ, điều này làm tăng sức ép về vốn chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (**Theo phân phân tích đầu tư để đảm bảo cấp nước cho phân khách hàng tăng thêm từ nay đến hết năm 2022**).

+ Khó khăn về nhân sự, tổ chức và công tác đào tạo phát triển:

- Tổ chức bộ máy Cty hoàn thiện và có đổi mới rõ rệt trong cung cách làm việc và công tác quản lý, đã kịp thời phát hiện ra các lỗ hổng để kịp thời chấn chỉnh và kiểm tra, rà soát để có số liệu chính xác phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh;

- Tư tưởng cán bộ công nhân viên đã từng bước, quen với công nghệ và đảm bảo vai trò với phân công nhiệm vụ mới, nhưng một số bộ phận còn chưa kịp thời thích ứng nên ảnh hưởng nhiều đến công việc;

- Tiền lương và các chế độ chính sách thu hút của Cty, chi phí đào tạo không có, đầu vào lao động chưa được đào tạo bài bản, đúng cách khiến việc phân công nhiệm vụ và triển khai còn gặp rất nhiều khó khăn;

- Khu vực kinh tế vùng miền nên việc tuyển dụng nhân sự gặp nhiều khó khăn;

- Mạng lưới cấp nước mở rộng về các xã Liên Đàm, Tân Châu, Đinh Lạc, Tân Nghĩa, Hoà Ninh, Đinh trang hoà và các xã lân cận cần phải có phương án đào tạo, tuyển dụng và tăng cường nhân sự cho việc mở rộng mạng lưới và sự phục vụ tạo nét văn hoá của Cty;

+ Khó khăn về công nghệ, hiện trạng cấp nước:

- Khai thác nước giếng khoan độ sâu, 1 cấp bơm, hệ thống công nghệ cấp nước, xử lý nước lọc hậu, chất lượng nước không đạt, đường ống hư hỏng, bể vỡ gây thất thoát nước, hao tổn nhiều nhân công sửa chữa, vật tư sửa chữa;

- Giếng khoan hệ thống cấp nước Di Linh sử dụng cột nước cao liên tục, không có trạm bơm cấp 2 và bể chứa trung gian khiến tuổi thọ bơm không đảm bảo, bơm hoạt động công suất cao, tổn nhiên liệu năng lượng điện, hao mòn .v.v...

- Các vấn đề tồn đọng khác về kho, vật tư tồn, vật tư hư hao có giá trị nhưng không sử dụng, máy bơm, thiết bị cũng gây khó khăn trong điều hành, quản lý, định giá, thanh lý tài sản;

- Không có nhà máy cấp nước mặt và các trạm cấp nước tập trung, tuyến ống nước thô, tuyến ống chuyên tải đạt chuẩn đảm bảo cấp nước;

+ Khó khăn do các yếu tố tự nhiên, xã hội và các vấn đề khác

Năm 2022, thời tiết hạn hán kéo dài khiến nguồn nước ngầm giảm từ 4-6 mét dẫn đến công tác sản xuất, cấp nước còn nhiều khó khăn, lượng nước ngầm thiếu hụt và ban giám đốc đã có báo cáo khẩn cấp để triển khai các nhiệm vụ cấp bách, xin trình trong đại hội phương án bổ sung kế hoạch giai đoạn năm 2021 và đưa vào chương trình kế hoạch giai đoạn 2022 – 2023 để kịp thời ứng phó với các biến động về thời tiết khí hậu;

Vào ngày lễ tết, bắt đầu hạn hán ở các khu cao như Đào Duy từ, Phạm Ngũ Lão và Trần Phú, Ka min và các khu vực trên cao bất lợi áp lực, năm 2022 vừa qua đã giải quyết được một phần khó khăn về chất lượng nước và áp lực ngày tết, tuy

nhiên về lâu dài cần có kế hoạch nâng cấp tuyến ống chuyển tải và trạm cấp nước tập trung, trạm xử lý tập trung;

Năm 2022, các dự án đường vành đai thi công mở rộng hệ thống giao thông toàn huyện nên bề vỡ, di dời gây thất thoát nước, đường ống, chi phí hỗ trợ di dời cùng địa phương để cùng hoàn thành nhiệm vụ cấp nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương, việc này sẽ ảnh hưởng nhiều đến việc sản xuất, kinh doanh của Cty cũng như ảnh hưởng đến tiến độ triển khai XDCB của cty, tập trung vào các khó khăn, khẩn cấp, cấp bách của Cty trong kế hoạch XDCB đã vạch ra, cần có sự linh động, điều chỉnh kịp thời để phù hợp với điều kiện vốn đầu tư rất hạn chế;

3/ PHẦN THỨ BA: KẾ HOẠCH ĐIỀU HÀNH SXKD NĂM 2022 VÀ CÁC CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2022 – 2023 (TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐỀ XUẤT GIAI ĐOẠN 2021-2023)

3.1 Các công trình khẩn cấp, cấp bách cần thiết đã thực hiện để kịp thời xin ý kiến HDQT, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (Năm 2022-2023)

- Công trình: **Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước huyện Di Linh (Đợt 4 – năm 2022)** để kịp thời chống thất thoát, sửa chữa bề vỡ trên địa bàn huyện Di Linh nâng cấp tuyến ống cấp nước và khắc phục các tuyến ống sửa chữa di dời đảm bảo phù hợp quy định của các công trình mở rộng đường của UBND huyện Di Linh;

- Công trình: **Xây dựng trạm bơm tăng áp cấp nước trung tâm văn hoá Di Linh năm 2022:** để đảm bảo cung cấp nước liên tục cho các khu vực vùng cao, khó khăn trên địa bàn huyện Di Linh, hoàn thiện các hạng mục còn lại với phương án đơn giản, tiết kiệm đảm bảo an toàn cấp nước, an toàn vệ sinh và nâng cấp công suất công trình với phương án làm từng bước, phụ thuộc vào tài chính cty;

- Công trình: **Xây dựng trạm bơm tăng áp tại cầu 1 xã Hoà Ninh, Đình Trang Hoà năm 2021 đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho hai xã**

Năm 2021, đã xây dựng 02 giếng khoan và thi công hạng mục nhà trạm giai đoạn 1, Năm 2022, tiếp tục cân đối nguồn vốn từ khấu hao và SCL của cty từng bước bổ sung công nghệ bồn lọc áp lực, hệ thống cấp và châm hóa chất, hệ thống van vận hành và điều khiển xử lý lọc, cấp nước để đảm bảo cung cấp nước cho xã Hoà Ninh, Đình Trang Hoà để đảm bảo cam kết cấp đủ nguồn nước cho dự án WB21, lập đề án để từng bước xây dựng hành chính, tổ chức, kinh doanh chợ xã Hoà Ninh, Đình Trang Hoà phù hợp với mô hình nhà máy có 3.000 khách hàng;

- Công trình: **Xây dựng trạm bơm cấp nước xã Tân Nghĩa, Đình Lạc**

Tăng công suất nguồn cấp nước và xây dựng công nghệ xử lý, bể chứa tăng áp và hệ thống điện cung cấp cho trạm bơm đảm bảo phục vụ cung cấp cho 2000- 3.000 hộ dân sử dụng trên địa bàn xã Tân nghĩa, xã Đình Lạc (Phần tuyến ống và đồng hồ đã được đầu tư bằng vốn WB21) để mở rộng hệ thống khách hàng trên toàn huyện Di linh;

- Giai đoạn năm 2021 đã hoàn thành bước 1 khoan giếng và xin cấp phép;

- Giai đoạn 2022, triển khai nhà xử lý, bể trung gian và trạm bơm tăng áp theo kế hoạch đã đặt ra, và việc triển khai công trình sẽ cân đối theo tài chính Cty để từng bước triển khai và báo cáo trực tiếp HDQT cty;

- Công trình: **Sửa chữa và nâng cấp các trạm bơm cấp nước đảm bảo sản xuất năm 2022:** Duy tu sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm, hệ thống nhà trạm và điện,

máy bơm cho các trạm bơm đảm bảo an toàn sản xuất, công nghệ và điều khiển tự động, sửa chữa, nâng cấp theo thực tế phát sinh và khả năng bố trí nguồn kinh phí;

- **Công trình: Các công trình đối ứng nguồn vốn từ đóng góp của nhân dân cùng Cty đầu tư để cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân khu vực nằm ngoài vùng cấp nước:** Đối ứng cùng nhân dân sử dụng nguồn vốn xã hội hoá và khả năng bố trí nguồn kinh phí để mở rộng phạm vi cấp nước, vùng sản xuất, kinh doanh của Cty;

- **Công trình: Bạt mái tầm khúc** (Công trình di dời khẩn cấp tuyến ống D114 PVC đoạn khúc của QL 28- Lê Lợi), nhằm kịp thời sửa chữa bề vỡ và di dời phục vụ cho công tác an toàn giao thông của quốc lộ: 28.443.440 đồng, đợi chủ đầu tư xin ý kiến để có kinh phí hỗ trợ từ ban an toàn giao thông của UBND huyện Di Linh;

4/ ĐỐI VỚI CÁC CÔNG VIỆC ĐỂ CHUẨN BỊ CHO LẬP DỰ ÁN 2022-2023:

(Quá trình triển khai thực hiện Ban giám đốc trình HĐQT Cty trình cổ đông điều chỉnh một số hạng mục cho phù hợp với thực tế kinh tế xã hội và phù hợp với tài chính Cty)

+ Đã và đang thực hiện giai đoạn Lập báo cáo lập dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước giai đoạn 2021 – 2023 và tầm nhìn đến 2030 với từng bước khảo sát thăm dò và thương thảo các khu đất dự kiến như:

Đối với các công việc để chuẩn bị cho triển khai xây dựng, Đề nghị Đại hội thông qua chủ trương để giao giám đốc điều hành tiến hành lập hồ sơ tư vấn, xin cấp phép và triển khai để có tổng mức đầu tư trình ra đại hội xem xét thống nhất danh mục các công trình giai đoạn 2022 – 2023 và cân đối khả năng bố trí nguồn vốn đầu tư;

Do hạn chế nguồn vốn của Cty trong năm 2022-2023 phải kết hợp với phương án trả dần gốc vay hàng năm, xin trình kế hoạch tổng mức đầu tư cho từng công trình để lập tính toán thiết kế công trình đồng bộ, việc triển khai xây dựng Ban giám đốc sẽ căn cứ thực tế nguồn vốn để xây dựng công trình và hoàn thiện công trình theo từng giai đoạn bố trí vốn;

Nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2022- 2023: Nguồn vốn chủ yếu tập trung từ các nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu kết hợp nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng ngân hàng hoặc vay từ cổ đông của Cty, theo bảng phân tích tài chính, kế toán của tài liệu đính kèm;

(Đính kèm là danh mục kế hoạch công trình 2022 – 2023 – Điều chỉnh)

Kết luận: Giai đoạn 2022-2023:

- Định hướng HĐQT Cty tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến nguồn nước cung cấp nước cho toàn huyện, đảm bảo an toàn cấp nước và từng bước củng cố đảm bảo thị phần cấp nước trên toàn huyện Di Linh, lập kế hoạch trình đăng ký vùng cấp nước đảm bảo an toàn;

- Đảm bảo công tác di dời công trình cấp nước đủ điều kiện để cấp nước chống thất thoát kết hợp việc xây dựng van điều hành tuyến, mạng lưới thật hiệu quả, nhiệm vụ nâng cấp bộ máy quản lý vận hành kết hợp với cấp nước an toàn và áp dụng công nghệ vận hành, xả rửa tự động (Áp dụng thí điểm ở trạm cấp nước Kao Quynh Đình Lạc, năm 2022, trạm vận hành tự động, tự rửa và cấp nước tăng áp), đề tài này sẽ đưa ra đánh giá kết luận sau 6 tháng để đúc kết báo cáo làm cơ sở áp dụng cho trạm Tân Châu, Gung Ré và Hoà Ninh năm 2023;

- Thực hiện chỉ đạo chủ HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thu hồi vốn trả dần các khoản vay ngân hàng có lộ trình, giảm dần lãi vay và tiền vay theo kế hoạch hàng năm, đảm bảo an toàn tài chính Cty trong thời gian khó khăn dịch bệnh, đồng thời đảm bảo Cty phát triển bền vững;
- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông, HĐQT Cty chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch định hướng cho phát triển của cty đến 2030;

5/ PHẦN THỨ TƯ: CÁC ĐỀ XUẤT KHÁC

Đề xuất khác để thực hiện đúng đối với các nhiệm vụ được giao, điều lệ Cty, Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật, đề nghị HĐQT trình ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết các vấn đề lớn như Bổ sung thành viên HĐQT, Bổ sung sửa đổi một số điều trong Điều lệ Cty, Đề xuất các nhiệm vụ chủ trương đầu tư năm 2022 và mở rộng một số công việc để có bước chuẩn bị số liệu của Giám đốc Cty cho triển khai chuẩn bị bước thu thập số liệu, khảo sát, để lập dự án, lập BCKTKT, dự toán các hạng mục sẽ trình giai đoạn 2022- 2025;

Các khó khăn của Cty đã được phân tích do nhiều yếu tố khách quan, chủ quan trong quá trình triển khai thực hiện sẽ báo cáo trực tiếp HĐQT Cty để kịp thời xin chỉ đạo và điều chỉnh để phù hợp với thực tế tại Cty;

6/ PHẦN KẾT: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt kế hoạch phát triển giai đoạn 2022 - 2023 để xác định chuẩn bị để xây dựng và phát triển giai đoạn 2025;

Công ty đứng trước nhiều thử thách và cơ hội để phát triển nhưng cũng chịu khó khăn chung của nền kinh tế trong thời điểm này, mọi nguồn lực chỉ tập trung nâng cấp nguồn nước, tận dụng nguồn vốn đầu tư ngân sách và chương trình mục tiêu quốc gia để mở rộng mạng lưới để mở rộng, cũng như tập trung nâng cao chất lượng nước và phục vụ, chống thất thoát là các nhiệm vụ trong năm 2022 và hướng đến năm 2025;

Một số nội dung đầu tư mang tính cấp bách đề nghị Đại hội đồng cổ đông HĐQT Cty để phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư, phân bổ vốn hoặc điều chỉnh nguồn vốn để phù hợp với thực tế, sẽ trình ra kỳ Đại hội đồng cổ đông báo cáo gần nhất để phù hợp thực tế;

Năm 2021 là bước đệm xây dựng các nền tảng phát triển lâu dài, ổn định, chuẩn bị mở rộng vùng cấp nước ra các xã, đảm bảo tận dụng các chế độ, chính sách và nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, đảm bảo vùng cấp nước không để các doanh nghiệp cạnh tranh cùng ngành có cơ hội đầu tư vào thị trường huyện Di Linh, Rất mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KHẮC DŨNG



Website: DILIWACO.COM

MSDN: 5800831612

Số: 01-2022 / ĐHCĐ

PHẦN II - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh trân trọng Báo cáo ĐHCĐ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH (DILIWACO)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số :	Số 5800831612 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm đồng cấp lần đầu vào ngày 09/11/2009 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 21/8/2020.
Vốn điều lệ:	14.980.000.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	14.980.000.000 đồng.
Địa chỉ:	Số 524, đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm đồng.
Số điện thoại :	02.633.870437
Số Fax:	02.633.765384
Webside	diliwaco.com

PHẦN II KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

1. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Căn cứ theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên của cty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh, tổ chức vào ngày 28 tháng 5 năm 2021 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh trong năm 2021;

Trong năm 2021, Ban giám đốc Cty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã tổ chức sản xuất kinh doanh và đã được nhiều kết quả như sau:

1.1 Sản lượng và Doanh thu cấp nước trong năm 2021:

CHỈ TIÊU	Sản lượng nước sạch (m3)			Doanh thu nước sạch(đồng)		
	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ
Sản lượng/Doanh thu	1.311.925	1.339.757	102,1	12.412.034.240	12.970.056.241	104,5
Giá bán bình quân đ/m3		9.461			9.681	102,3
Số tiền giảm nước sạch trong thời kỳ COVID 19					52.246.149	VND

Sản lượng nước sạch thương phẩm năm 2021 tăng 2,1% và doanh thu nước sạch tăng 4,5% và giá bán bình quân tăng 2,3%. Bên cạnh, số tiền giảm cho khách hàng từ tháng 9/2021 đến tháng 12/2021 trong chương trình giảm Covid 2019 là: 52.246.149 đồng.

1.2 TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Từ ngày: 01/01/2021 đến ngày : 31/12/2021			
TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	6.285.572.422	4.714.043.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	122.478.717	230.323.730
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.146.046.430	964.945.734
IV. Hàng tồn kho	140	4.889.059.836	3.376.045.381
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	127.987.439	142.728.214
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	25.685.343.730	25.128.474.796
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
II. Tài sản cố định	220	21.350.252.910	20.596.154.640
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	2.161.276.980	2.193.923.479
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	2.173.813.840	2.338.396.677
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	31.970.916.152	29.842.517.855
NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	14.608.482.459	12.680.616.089
I. Nợ ngắn hạn	310	14.249.567.817	12.586.151.045
II. Nợ dài hạn	330	358.914.642	94.465.044
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	17.362.433.693	17.161.901.766
I. Vốn chủ sở hữu	410	17.362.433.693	17.161.901.766
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440	31.970.916.152	29.842.517.855

1.3 Kết quả sản xuất kinh doanh (Báo cáo đã kiểm toán độc lập)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Từ ngày: 01/01/2021 Đến ngày: 31/12/2021*

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19.623.938.831	15.843.789.474	123,86
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19.623.938.831	15.843.789.474	123,86
4. Giá vốn hàng bán	11	15.504.791.489	11.307.090.377	137,12
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.119.147.342	4.536.699.097	90,80
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	228.900	401.825	56,97
7. Chi phí tài chính	22	333.441.112	676.894.636	49,26
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	333.441.112	676.894.636	49,26
8. Chi phí bán hàng	24	316.967.766	420.218.144	75,43
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.765.061.935	1.848.784.097	95,47
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.703.905.429	1.591.204.045	107,08
11. Thu nhập khác	31	422.432.950	1.354.386.211	31,19
12. Chi phí khác	32	209.158.886	1.188.158.382	17,60
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	213.274.064	166.227.829	128,30
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	1.917.179.493	1.757.431.874	109,09
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	392.254.109	285.883.588	137,21
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.524.925.384	1.471.548.286	103,63
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.018	982	103,63

1.4 Dự kiến phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	1.524.925.384
2	Trích 02 Quỹ theo điều lệ công ty	đồng	304.985.077
	+ Quỹ đầu tư phát triển 10%	đồng	152.492.538
	+ Quỹ Khen thưởng-Phúc lợi 10%	đồng	152.492.538
3	Trích thù lao cho HĐQT-BKS năm 2021	đồng	160.000.000
4	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	đồng	1.059.940.307
5	Vốn điều lệ công ty tại 31/12/2021	đồng	14.980.000.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	7,08

1.5 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	Năm 2021 (đồng)	Tỷ lệ so sánh %
Tổng giá trị tài sản	29.842.517.855	31.970.916.152	107,13
Doanh thu thuần	15.843.789.474	19.623.938.831	123,86
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.591.204.045	1.703.905.429	107,08
Lợi nhuận khác	166.277.829	213.274.064	128,26
Lợi nhuận trước thuế	1.757.431.874	1.917.179.493	109,09
Lợi nhuận sau thuế	1.471.548.286	1.524.925.384	103,63

1.6 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

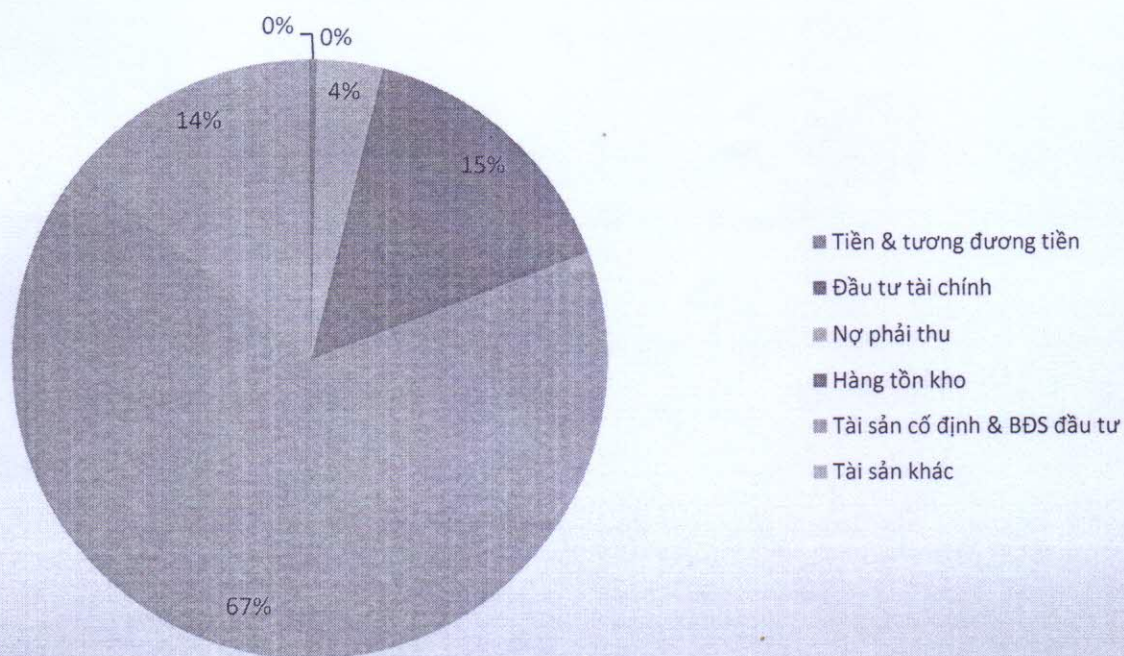
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Biến động
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,7306	0,731	-
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,0367	0,037	-
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,3	45,7	3,4
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	73,32	84,1	10,8
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,93	3,8	(0,18)
Vòng quay tài sản	Vòng	0,55	0,6	0,09
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,29	7,8	(1,52)
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	8,57	8,8	0,21
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,95	4,8	(0,18)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	11,09	8,7	(2,41)

1.6.1. Phân tích các tỷ trọng tài sản

Năm 2021

TT	Chỉ tiêu cấu thành tài sản trong phân tích	Giá trị	% làm tròn
#	Tổng tài sản	31.970.916.152	100,0%
1	Tiền & tương đương tiền	122.478.717	0,4%
2	Đầu tư tài chính	-	0,0%
3	Nợ phải thu	1.146.046.430	3,6%
4	Hàng tồn kho	4.889.059.836	15,3%
5	Tài sản cố định & BĐS đầu tư	21.350.252.910	66,8%
6	Tài sản khác	4.463.078.259	14,0%

Cơ cấu tài sản doanh nghiệp cuối kỳ phân tích

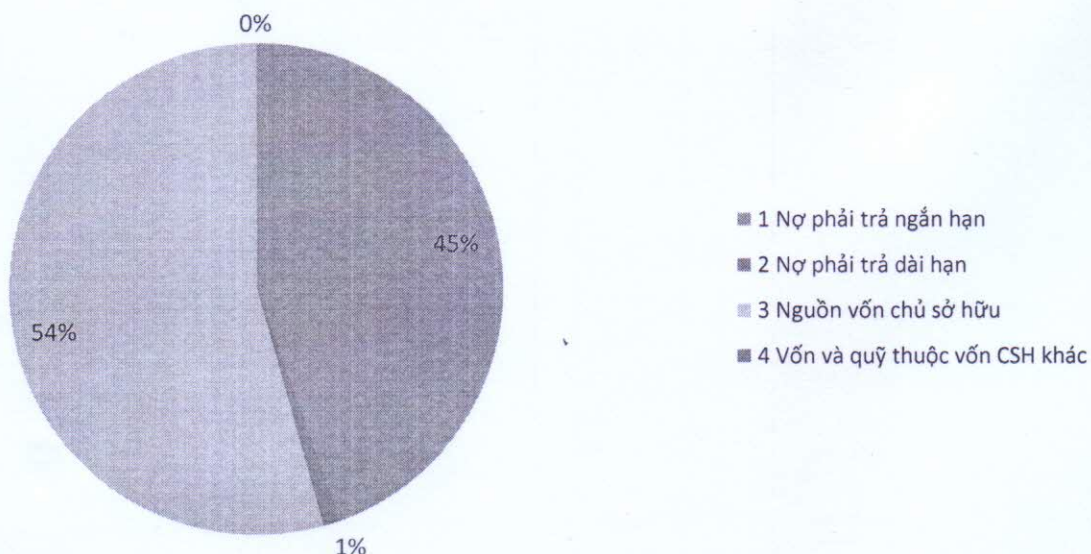


1.6.2. Phân tích các tỷ trọng nguồn vốn

Năm 2021

TT	Chỉ tiêu cấu thành nguồn vốn kỳ phân tích	Giá trị	% làm tròn
#	Tổng nguồn vốn	31.970.916.152	100,0%
1	Nợ phải trả ngắn hạn	14.249.567.817	44,6%
2	Nợ phải trả dài hạn	358.914.642	1,1%
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	17.362.433.693	54,3%
4	Vốn và quỹ thuộc vốn CSH khác	-	0,0%

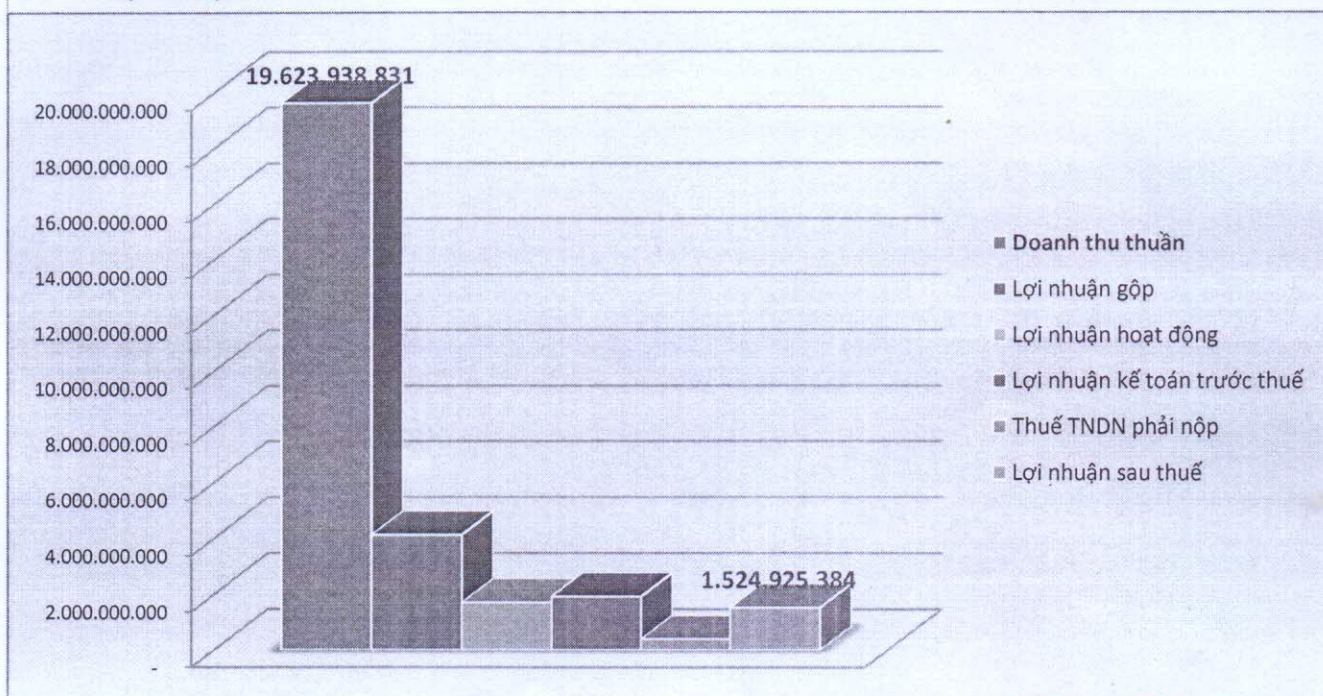
Biểu đồ phân tích cơ cấu vốn kỳ này



1.6.3 Phân tích lợi nhuận / doanh thu thuần

Năm 2021

TT	Chỉ tiêu phân tích	Giá trị	% so với DTT
#	Doanh thu thuần	19.623.938.831	100,0%
1	Lợi nhuận gộp	4.119.147.342	21,0%
2	Lợi nhuận hoạt động	1.703.905.429	8,7%
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.917.179.493	9,8%
4	Thuế TNDN phải nộp	392.254.109	2,0%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.524.925.384	7,8%

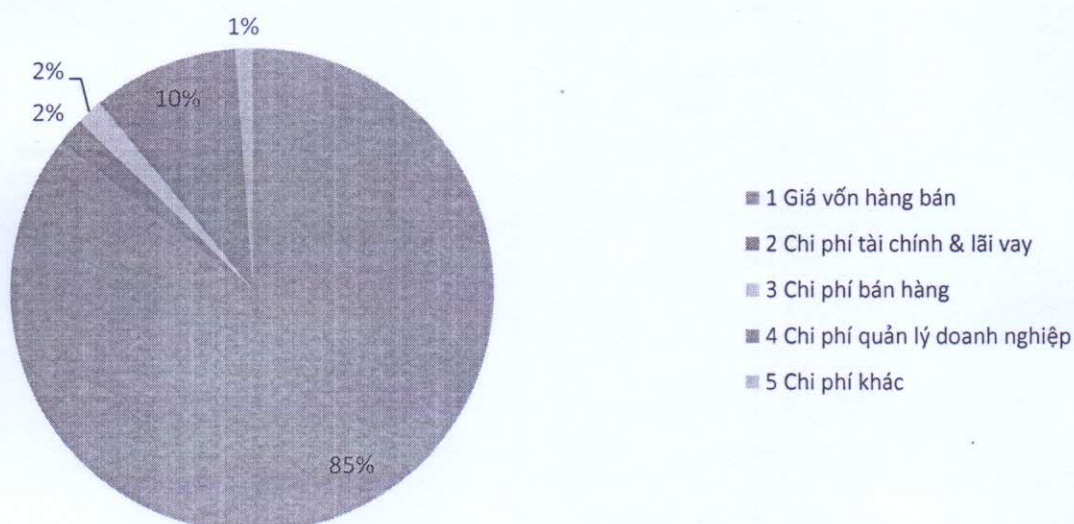


1.6.4 Phân tích cơ cấu chi phí

Năm 2021

TT	Chỉ tiêu phân tích	Giá trị	%
#	Tổng chi phí	18.129.421.188	100,0%
1	Giá vốn hàng bán	15.504.791.489	85,5%
2	Chi phí tài chính & lãi vay	333.441.112	1,8%
3	Chi phí bán hàng	316.967.766	1,7%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.765.061.935	9,7%
5	Chi phí khác	209.158.886	1,2%

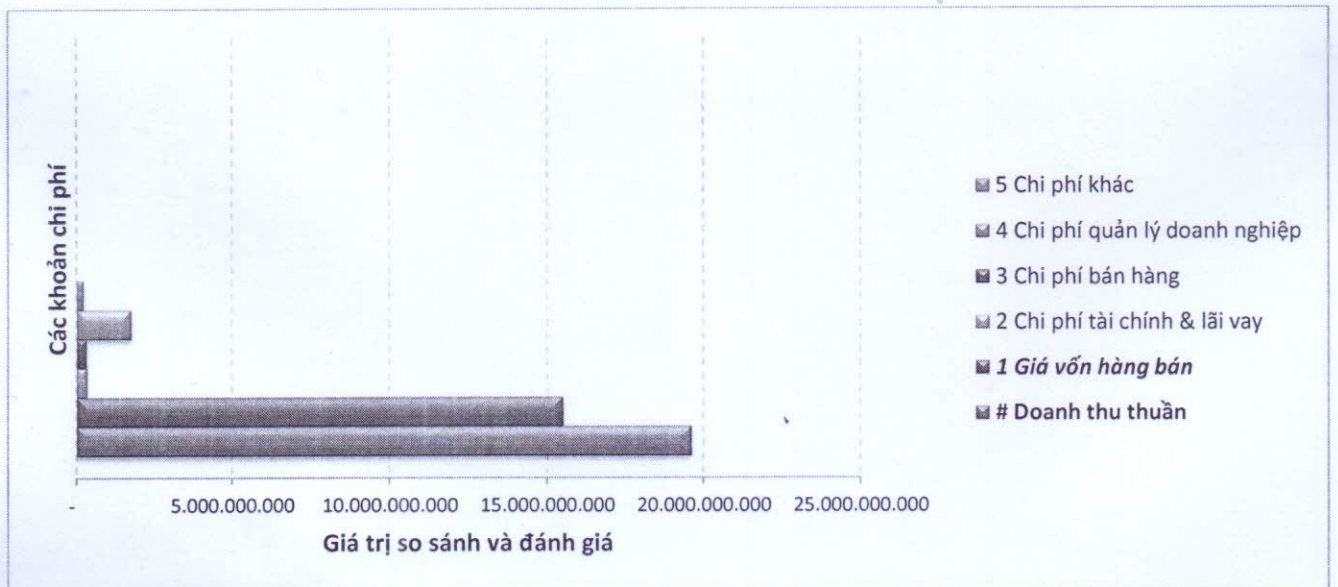
Tỷ trọng chi phí trong tổng chi phí doanh nghiệp



1.6.5 So sánh các khoản chi phí với doanh thu thuần

Năm 2021

TT	Chỉ tiêu phân tích	Giá trị	%
#	Doanh thu thuần	19.623.938.831	100,0%
1	Giá vốn hàng bán	15.504.791.489	79,0%
2	Chi phí tài chính & lãi vay	333.441.112	1,7%
3	Chi phí bán hàng	316.967.766	1,6%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.765.061.935	9,0%
5	Chi phí khác	209.158.886	1,1%



2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

2.1 Cổ phần (tính đến 31/12/2021)

✓ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 14.980.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng : 14.980.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: không
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng /cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông

✓ Cơ cấu cổ đông

2.2 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2021.

Tính đến 31/12/2020 số lượng cổ đông hiện hữu của Công ty là: **40 cổ đông** nắm giữ: **1.498.000** cổ phiếu phổ thông.

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu(%)
I	Cổ đông trong nước	1.498.000	14.980.000.000	100,00
	Cổ đông tổ chức	575.455	5.754.550.000	38,41
	Cổ đông cá nhân	922.545	9.225.450.000	61,59
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Cổ đông tổ chức	0	0	0
	Cổ đông cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
IV	Tổng cộng (I + II + III)	1.498.000	14.980.000.000	100,00

2.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

2.4 Tình hình chuyển nhượng cổ phiếu phổ thông trong năm 2021.

Trong năm có 06 lượt cổ đông công ty chuyển nhượng cổ phần với tổng số cổ phần giao dịch thành công là: **111.482** Cổ phần.

3. Báo cáo thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong năm 2021.

THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021			
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ %	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Nước sản xuất	<i>m3</i>	1.699.079	1.627.113	104,96	95,8
a	Di Linh		1.548.119	1.512.915	105,94	97,7
b	Hòa Ninh		150.960	114.198	93,48	75,6
2	Nước Ghi thu	<i>m3</i>	1.437.232	1.339.757	102,12	93,2
a	Di Linh		1.308.161	1.249.026	103,55	95,5
b	Hòa Ninh		129.071	90.731	85,81	70,3
3	Tỷ lệ thất thoát	<i>%</i>	15,41	17,66	114,87	114,6
a	Di Linh		15,50	17,44	112,24	112,5
b	Hòa Ninh		14,50	20,55	152,88	141,7
4	Tổng doanh thu	<i>đồng</i>	16.553.697.873	20.056.442.500	133,00	121,2
a	Doanh thu cung cấp nước sạch	<i>đồng</i>	13.653.697.873	12.970.056.241	104,50	95,0
b	Doanh thu XDCB và thi công công trình	<i>đồng</i>	2.000.000.000	4.230.060.049	281,68	211,5
c	Doanh thu lắp đặt Chiết tính	<i>đồng</i>	600.000.000	771.562.719	131,44	128,6
d	Doanh thu mua bán vật tư ngành nước	<i>đồng</i>	200.000.000	1.614.401.634	316,27	807,2
e	Doanh thu Khác	<i>đồng</i>	100.000.000	470.361.857	683,17	470,4
5	Giá bán nước sạch	<i>đ/m3</i>	9.500	9.681	102,33	101,9
6	Số lượng lao động bình quân	<i>người</i>	43	39	100,00	90,7
7	Quản Lý	<i>người</i>	3	3	100,00	100,0
8	Quỹ lương quản lý	<i>đ/năm</i>	673.200.000	673.200.000	102,00	100,0
a	Giám đốc	<i>đ/năm</i>	257.040.000	257.040.000	102,00	100,0
b	P.Giám đốc	<i>đ/năm</i>	220.320.000	220.320.000	102,00	100,0
c	Kế toán trưởng	<i>đ/năm</i>	195.840.000	195.840.000	102,00	100,0
9	CBCNV công ty					
a	Số lượng lao động bình quân	<i>người</i>	46	40	95,24	87,0
b	Tổng quỹ lương CBCNV	<i>đồng</i>	4.038.882.021	3.900.814.602	99,74	96,6
c	Tổng quỹ lương cung cấp nước sạch	<i>đồng</i>	2.398.882.021	2.447.403.131	108,33	102,0
d	Tổng quỹ lương XDCB công trình nhận thi công	<i>đồng</i>	360.000.000	346.002.814	289,25	96,1
f	Tổng quỹ lương XDCB TSCĐ vốn Công ty	<i>đồng</i>	200.000.000	328.392.879	56,76	164,2
k	Quỹ lương Lắp đặt chiết tính	<i>đồng</i>	480.000.000	284.335.085	66,62	59,2
l	Quỹ lương quản lý dự án		100.000.000	-	-	-
m	Quỹ lương khác (Ăn ca,niêm chì...)	<i>đồng</i>	500.000.000	494.680.693	105,54	98,9
10	Thu nhập bình quân CBCNV	<i>ng/tháng</i>	8.050.000	8.779.000	104,25	109,1
11	Vốn Điều lệ công ty	<i>đồng</i>	14.980.000.000	14.980.000.000	100,00	100,0
12	Khách hàng trong danh sách khai thác	<i>Hộ</i>	9.681	8.368		86,4
a	Trong đó Khách hàng tăng trong kỳ	<i>Hộ</i>	350	315	1,00	90,0
b	Tỷ lệ tồn thu	<i>%</i>	< 1	0,47	100,00	100,0
13	Lợi nhuận trước thuế TNDN	<i>đồng</i>	1.512.000.000	1.917.179.493	109,09	126,8
14	Mức KHTSCĐ	<i>đồng</i>	1.749.736.800	1.718.193.774	113,24	98,2
15	Mức Phân bổ ngắn hạn	<i>đồng</i>	116.348.445	92.041.947	80,17	79,1
16	Mức Phân bổ dài hạn	<i>đồng</i>	1.302.535.031	1.172.640.002	91,24	90,0
17	Tổng thuế phí nộp NSNN	<i>đồng</i>	1.842.618.447	2.000.097.094	114,29	108,5
a	Thuế các loại	<i>đồng</i>	830.118.961	901.064.745	145,84	108,5
b	Phí bảo vệ môi trường nước sạch s.hoạt	<i>đồng</i>	1.012.499.486	1.099.032.349	97,07	108,5



STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021			
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ %	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
18	Tổng Mức đầu tư XDCB	<i>đồng</i>	3.200.000.000	3.956.813.487	60,02	123,7
a	Mua sắm hình thành tài sản cố định	<i>đồng</i>	2.200.000.000	2.672.480.908	51,92	121,5
b	Lắp đặt theo Ống nhánh theo NĐ 117	<i>đồng</i>	600.000.000	187.724.512	28,83	31,3
c	Mua sắm tài sản ngắn hạn	<i>đồng</i>	100.000.000	69.067.543	77,97	69,1
d	Mua sắm tài sản dài hạn	<i>đồng</i>	300.000.000	1.027.540.524	145,75	342,5
19	Lợi nhuận sau thuế TNDN	<i>đồng</i>	1.512.000.000	1.524.925.384,0	103,63	100,9
20	Dự Kiến phân phối lợi nhuận					
a	Trích 02 quỹ theo điều lệ công ty	<i>đồng</i>	302.400.000	304.985.077	103,63	100,9
b	Thù lao HĐQT-BKS	<i>đồng</i>	160.000.000	160.000.000	100,00	100,0
c	Vốn Điều lệ công ty	<i>đồng</i>	14.980.000.000	14.980.000.000	100,00	100,0
21	Chia cổ tức	<i>đồng</i>	1.049.600.000	1.059.940.307	104,20	101,0
	Tỷ lệ chia cổ tức	%	7,01	7,08	104,20	101,0

Căn cứ báo cáo tài chính đã kiểm toán, phân tích một số chỉ tiêu tài chính năm 2021:

3.1 Phân tích các khoản nợ phải trả tại ngày 31.12.2021: 14.608.482.459^d, chi tiết :

STT	Nội dung	Giá trị	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Phải trả người bán ngắn hạn	2.796.452.128	19,14	Chi tiết danh sách kèm theo
2	Người mua trả tiền trước	786.789.321	5,39	
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	997.779.996	6,83	
4	Phải trả người lao động	596.967.438	4,09	
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	209.979.000	1,44	
6	Phải trả khác	160.525.039	1,10	
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.701.074.895	59,56	
8	Phải trả dài hạn khác	358.914.642	2,46	
	Cộng	14.608.482.459	100,00	

3.2 Phân tích các khoản nợ phải thu tại ngày 31.12.2020: 964.945.734^d, chi tiết :

STT	Nội dung	Giá trị	Tỷ lệ %	Ghi chú	
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	829.735.895	72,40	Chi tiết danh sách kèm theo	
trong đó	+ Khách hàng sử dụng nước sạch	62.456.904	7,53		
	+ Khách hàng xây dựng cơ bản	767.413.109	92,49		
2	Trả trước cho người bán	-	-		
3	Các khoản phải thu khác	316.310.435	27,60		
trong đó	+ Tạm ứng nhân viên	164.464.215	51,99		
	+ Phải thu khác	129.676.675	41,00		
	+ Tài sản thiếu chờ xử lý	22.169.545	7,01		
Cộng		1.146.046.330	100,00		

3.3 Tổng hợp, phân tích doanh thu và chi phí năm 2021:

NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ TRỊ	Tỷ lệ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	20.046.600.681	100,00
+ Doanh thu CẤP NƯỚC SẠCH	VND	12.970.056.241	64,70
+ Doanh thu XDCB CÔNG TRÌNH	VND	4.230.060.049	21,10
+ Doanh thu lắp đặt ống nhánh	VND	771.562.719	3,85
+ Doanh thu BÁN LẺ VẬT TƯ	VND	1.604.559.815	8,00
+ Doanh thu từ dịch vụ đóng mở nước	VND	7.927.280	0,04
+ Doanh thu cho thuê tài sản	VND	39.772.727	0,20
+ Thu nhập tài chính&khác	VND	422.661.850	2,11
Giá vốn hàng bán	VND	15.504.791.489	100,00
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	VND	6.487.588.230	41,84
- Chi phí nhân công trực tiếp	VND	4.260.087.328	27,48
- Chi phí sản xuất chung	VND	4.757.115.931	30,68
Chi phí tài chính	VND	333.441.112	100,00
Chi phí bán hàng	VND	316.967.766	100,00
Chi phí quản lý doanh nghiệp	VND	1.765.061.935	100,00
+ Chi phí nhân viên quản lý	VND	785.400.344	44,50
+ Chi phí vật liệu quản lý	VND	207.280.838	11,74
+ Chi phí xăng xe-công tác phí	VND	178.823.349	10,13
+ Chi phí tiếp khách, khánh tiết, quan hệ	VND	175.122.070	9,92
+ Thuế, phí và lệ phí	VND	93.797.696	5,31
+ Chi phí đào tạo, nâng cao nghiệp vụ	VND	1.800.000	0,10
+ Chi phí bằng tiền khác	VND	322.837.638	18,29
Chi phí khác	VND	209.158.886	100,00
Lãi lỗ trước Thuế TNDN	VND	1.917.179.493	

3.4 BÁO CÁO DANH MỤC CHI TIẾT THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2021.

(KÈM THEO BẢN THUYẾT MINH CỦA GIÁM ĐỐC TẠI PHỤ LỤC SỐ 01-XDCB KÈM THEO)

4. DỰ THẢO KẾ HOẠCH SXKD 2022.

PHỤ LỤC SỐ 01-XDCB NĂM 2021

BÁO CÁO XÂY DỰNG CƠ BẢN THỰC HIỆN THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2021

STT	TÊN CÔNG TRÌNH-HẠNG MỤC	ĐVT	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 2021			HOÀN THÀNH VÀ QUYẾT TOÁN			GIẢI TRÌNH/LÍ DO	GHI CHÚ
			NGHỊ QUYẾT 2021	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ 2021	CHÊNH LỆCH SỐ VỚI NQ-ĐHCD 2021	GIÁ TRỊ DƯ DANG NĂM 2020 CHUYỂN SANG	THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN 2021	GIÁ TRỊ DƯ DANG CUỐI KỲ 2021		
1	Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước huyện Di Linh chống thất thoát (Đợt 4-2021).	Triệu đồng	300	377,0	(77,0)	34,9	383,8	28,8		
1.2	Chi phí tư vấn-thiết kế-thăm tra công trình	" "		55,40			55,4	-		
1.3	Lắp đặt tuyến ống D63 hdpe tại cây xăng Lê Đình Mật-TTĐi Linh	" "		34,09			34,1	-		
1.4	lắp đặt tuyến ống cấp nước d63 tại kdc phạm hồng thái	" "		9,98			10,0	-		
1.5	nâng cấp sửa chữa tuyến ống cấp nước tại hẻm 1190 hùmg vương	" "		36,49			36,5	-		
1.6	thay the tuyến ống d32 hdpe hẻm 233 hùmg vương	" "		24,12			24,1	-		
1.7	nâng cấp, sửa chữa tuyến ống cấp nước tại đường lê hồng phong	" "		104,27			104,3	-		
1.8	ct tuyến ống d63 hdpe đường trần phú	" "		53,70		16,5	70,2	-		
1.9	di dời ống hdpe d110 tại ngã 3 đường hùmg vương và đường nguyên văn trôi	" "		11,36			11,4	-		
1.10	tuyến ống trục chung hẻm 195 hùmg vương	" "		27,86			27,9	-		
1.11	đầu nối sang hệ hẻm chuột đồng	" "		1,89			-	1,89		
1.12	chạy tạm đường ống đài nước sang ubnd huyện	" "		2,09			-	2,09		
1.13	di dời tuyến ống hdpe 32 phạm ngọc thạch	" "		2,10			2,8			
1.14	hm: tuyến ống d63 lê văn tám	" "		6,37		18,4	-	24,82		
1.15	đầu nối sang hệ ống 32 tại thôn 8 xã tân châu	" "		7,2			7,2	-		
2	Xây dựng trạm bơm tăng áp cấp nước trung tâm văn hóa Di Linh giai đoạn 2021-2024.	Triệu đồng	200	650,3	(450,3)	185,1	618,3	217,1		

15/11/2021

STT	TÊN CÔNG TRÌNH-HẠNG MỤC	ĐVT	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 2021			HOÀN THÀNH VÀ QUYẾT TOÁN			GIẢI TRÌNH/LÍ DO	GHI CHÚ
			NGHỊ QUYẾT 2021	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ 2021	CHÉNH LỆCH SỐ VỚI NQ-ĐHCĐ 2021	GIÁ TRỊ ĐÓNG NĂM 2020 CHUYỂN SANG	THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN 2021	GIÁ TRỊ ĐÓNG CUỐI KỲ 2021		
2.1	Xây dựng trạm bơm tăng áp cấp nước trung tâm văn hóa di linh giai đoạn 2021-2024	" "		397,6				397,6	-	Đảm bảo nguồn nước cấp, thực hiện kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2023 phân bổ vốn theo thực tế tài chính Cty, thi công nhiều giai đoạn
2.2	Khoan khảo sát giếng số 02 tại trung tâm văn hóa & TT huyện di linh	" "		217,1					217,08	nt
2.3	Khoan khảo sát giếng số 01 tại tt văn hóa & tt huyện di linh-xây dựng bể chứa dự trữ nước và trạm bơm tăng áp tại thị trấn di linh	" "		35,6		185,1		220,7	-	
3	Xây dựng trạm bơm tăng áp tại cầu 1 xã Hòa Ninh, Đình Trang Hòa đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho hai xã.	Triệu đồng	350	234,0	116,0			56,1	177,85	
3.1	Phần nhà trạm	" "		99,0				10,5	88,51	
3.2	hm: đường ống dự phòng trạm hòa ninh, đình trang hòa	" "		27,68				27,7	-	
3.3	ct xây dựng giếng khoan thôn 5, thôn 9 hòa ninh	" "		89,34				-	89,34	
3.4	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE tại xóm 1, thôn 12, xã hòa ninh (nối tiếp ct WB21)	" "		17,96				17,96	-	
4	Xây dựng trạm bơm cấp nước xã Tân Nghĩa, Đình Lạc.	Triệu đồng	200	120,0	80,0			-	120,0	
4.1	Phần nhà trạm	" "		106,5					106,45	
4.2	Phần công nghệ	" "		13,5					13,55	
4.3	Phần công việc chưa quyết toán hoàn thành (đang thi công)	" "								
5	Sửa chữa và nâng cấp các trạm bơm cấp nước đảm bảo sản xuất năm 2021.	Triệu đồng	50	91,8	(41,8)			-	91,8	
5.1	Sửa chữa và khắc phục sự cố và nâng cấp trạm bơm G6 (giếng khoan G6)	" "		91,8				91,8		Sự cố sạt lở giếng phải xử lý có xin ý kiến HĐQT Cty giải quyết khẩn cấp



STT	TÊN CÔNG TRÌNH-HÀNG MỤC	ĐVT	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 2021			HOÀN THÀNH VÀ QUYẾT TOÁN			GIẢI TRÌNH/LÍ DO	GHI CHÚ
			NGHỊ QUYẾT 2021	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ 2021	CHIẾN LỆCH SỐ VỚI NQ-DHCD 2021	GIÁ TRỊ ĐÓNG DƯƠNG NĂM 2020 CHUYÊN SANG	THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN 2021	GIÁ TRỊ ĐÓNG DƯƠNG CÚI KỲ 2021		
6	Các công trình đối ứng nguồn vốn từ đóng góp của nhân dân cùng Cty đầu tư để cấp nước sinh hoạt cho các hộ khu vực nằm ngoài vùng cấp nước.	Triệu đồng	100	74,5	25,5	200,4	244,3	30,6		
6.1	Mở rộng tuyến ống cấp nước hợp D32 tại hẻm 255 lý thường kiệt	" "		7,4			7,4	-	Cùng nhân dân đối ứng, tận dụng nhân lực xã hội hóa cùng Cty đầu tư, có xin ý kiến HDQT	
6.2	hm: di dời tuyến ống cấp nước sinh hoạt đường Lê lai	" "		13,4			13,4	-	Cùng nhân dân đối ứng, tận dụng nhân lực xã hội hóa cùng Cty đầu tư, có xin ý kiến HDQT	
6.3	tuyến ống cấp nước thôn 5 xã Tân châu (đường số 9,10,19)	" "		23,1		200,4	223,5	-	Cùng nhân dân đối ứng, tận dụng nhân lực xã hội hóa cùng Cty đầu tư, có xin ý kiến HDQT	
6.4	hàng mục đất 132m ống hợppe d110 bằng đường tại thôn 6 Tân châu	" "		30,6				30,64	Cùng nhân dân đối ứng, tận dụng nhân lực xã hội hóa cùng Cty đầu tư, có xin ý kiến HDQT	
7	Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại xã Gung ré.	Triệu đồng	100	137,5	(37,5)	-	137,5	-		
7.1	Phần giếng khoan	" "		137,5			137,5		Phát sinh tăng do khoan không có nước, nên xin ý kiến tiếp tục khoan đến khi có nước để kiểm tra lưu lượng (Tổng 3 giếng)	
8	NÂNG CẤP NGUỒN NƯỚC CÁC GIẾNG KHOAN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN DI LINH ĐÀM BẢO NGUỒN NƯỚC CUNG CẤP (Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại thôn Đông Lạc 2, Đông Lạc, Tân Lạc 2 Xã Đinh Lạc, và một số Công trình)	Triệu đồng	300	37,4	262,6	519,4	150,4	406,43		
8.1	PHẦN CÔNG NGHỆ (chuyên từ năm 2020 sang)	" "				519,4	113,0	406,43	Giá trị chuyên sang	
8.2	Phần giếng khoan (Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại thôn Đông Lạc 2, Đông Lạc, Tân Lạc 2 Xã Đinh Lạc, và một số Công trình)	" "		37,4			37,4			
8.3	Thiết kế trạm bơm, trạm tăng áp, công nghệ xử lý và vận hành tự động (Đang thực hiện)	" "					-			

STT	TÊN CÔNG TRÌNH-HẠNG MỤC	ĐVT	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 2021			HOÀN THÀNH VÀ QUYẾT TOÁN			GIẢI TRÌNH/LÍ DO	GHI CHÚ
			NGHỊ QUYẾT 2021	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ 2021	CHÉNH LỆCH SO VỚI NỢ-DHCB 2021	GIÁ TRỊ ĐÓNG DANG NĂM 2020 CHUYỂN SANG	THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN 2021	GIÁ TRỊ ĐÓNG DANG CUỐI KỲ 2021		
9	Cấp quyền khai thác và gia hạn quyền khai thác cấp nước đối với các giếng khoan đã hết hạn cấp phép.	Triệu đồng	240	269,3	(29,3)	-	269,3	-	Cấp phép bổ sung đối với xã Tân Nghĩa và xã Đinh Lạc, có xin ý kiến HĐQT và có kế hoạch giai đoạn 2021-2023	
10	Sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm trên địa bàn huyện Di Linh năm 2021.	Triệu đồng	360	268,9	91,1	-	268,9	-		
10.1	Sửa chữa sự cố trạm bơm g7-2021	" "		145,66			145,7			
10.2	Sửa chữa và nâng cấp trạm bơm làng kù	" "		13,37			13,4			
10.3	Sửa chữa và nâng cấp trạm bơm đỉnh trang hòa	" "		12,33			12,3			
10.4	Sửa chữa và nâng cấp trạm bơm g8	" "		82,55			82,5			
10.5	200m ống hdpe d63 ct hên suối đá	" "		15,00			15,0			
11	NÂNG CẤP HỆ THỐNG CẤP NƯỚC DI LINH GIAI ĐOẠN 2	Triệu đồng	-		-	100,0	-	100,00		
11.1	KHAO SÁT NƯỚC MẶT HỒ KALA	" "				100,0		100,00		
12	NÂNG CẤP CÔNG NGHỆ XỬ LÝ VÀ CẤP NƯỚC TRẠM BƠM G8 NĂM 2020	Triệu đồng	-		-	122,4		122,45		
12.1	PHẦN NHÀ TRẠM	" "				122,4		122,45		
	TỔNG CỘNG		2.200	2.261	(61)	1.162	2.220	1.203	Tổng tăng vượt kế hoạch nghị quyết 61 triệu	
CÁC CÔNG TRÌNH PHÁT SINH NGOÀI DANH MỤC KHẨN CẤP/ CẤP BÁCH ĐÃ XIN CHỦ TRƯỞNG HDQT CTY XIN TRÌNH ĐẠI HỘI 2022 BỔ SUNG DO PHÁT SINH BẤT KHẢ KHÁNG										
13	NÂNG CẤP ĐƯỜNG LIÊN XÃ HÒA BÌNH-HÒA BẮC VÀ XÂY DỰNG 02 TUYẾN ĐƯỜNG ĐỐI NỘI THUỘC KHU QUY HOẠCH XÃ HÒA BÌNH	Triệu đồng	-	241,8	(241,8)	-	-	241,81		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH-HÀNG MỤC	ĐVT	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 2021			HOÀN THÀNH VÀ QUYẾT TOÀN			GIẢI TRÌNH/LÍ DO	GHI CHÚ	
			NGHỊ QUYẾT 2021	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ 2021	CHÉNH LỆCH SỐ VỚI NỢ-DHCD 2021	GIÁ TRỊ ĐÓNG DANG NĂM 2020 CHUYỂN SANG	THỰC HIỆN QUYẾT TOÀN 2021	GIÁ TRỊ ĐÓNG DANG CUỐI KỲ 2021			
16.1	DI DỜI TUYẾN ống CẤP NƯỚC SINH HOẠT ĐƯỜNG LÊ LAI	" "		13,4		-		13,39	Do phải di dời ống nước vướng khi thi công đường mở rộng đường đảm bảo cấp nước cho nhân dân phục vụ kinh doanh		
16.2	cải tạo, nâng cấp các tuyến ống chuyển tải d110 hợppe từ trạm bơm trvh đến đường Lương thế vinh	" "		184,4				161,3	23,07	Do phải di dời ống nước vướng khi thi công đường mở rộng đường đảm bảo cấp nước cho nhân dân phục vụ kinh doanh	
17	CÁC CÔNG TRÌNH KHẢN CẤP XIN TRÌNH BỎ SUNG DO SỰ CỐ HƯ HỒNG TRẠM BƠM 2022			289,5	(289,5)	-	237,9	51,6			
17.1	sửa chữa sự cố sạt lở kết trạm bơm trạm bơm g7 (Khoan G7 b)	" "		104,17			52,6	51,61	Phát sinh sự cố ngoài kế hoạch, Cty tự thực hiện, có báo cáo xin ý kiến HDQT, cấp bách, bổ sung kế hoạch báo cáo đại hội		
17.2	sửa chữa và nâng cấp trạm bơm g4 (thay bơm + máy thổi khí+tr clo) do sự cố đột suất	" "		30,02			30,0	-	Phát sinh sự cố ngoài kế hoạch, Cty tự thực hiện, có báo cáo xin ý kiến HDQT, cấp bách, bổ sung kế hoạch báo cáo đại hội		
17.3	sửa chữa và nâng cấp trạm bơm g1 (thay bơm và khoan giếng số 2 g1) do sự cố đột suất	" "		155,27			155,3	-	Phát sinh sự cố ngoài kế hoạch, Cty tự thực hiện, có báo cáo xin ý kiến HDQT, cấp bách, bổ sung kế hoạch báo cáo đại hội		
TỔNG PHÁT SINH NGOÀI NGHỊ QUYẾT				-	(778)	523	813	487			
TỔNG CỘNG			2.200	3.039	(839)	1.685	3.034	1.690			

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021		KẾ HOẠCH NĂM 2022	
			THỰC HIỆN	Tỷ lệ thực hiện so Kế hoạch	KẾ HOẠCH	Tỷ lệ % tăng trưởng so với 2021
1	Nước sản xuất	<i>m3</i>	1.627.113	95,8	1.708.000	104,97
a	Di Linh		1.512.915	97,7	1.588.000	104,96
b	Hòa Ninh		114.198	75,6	120.000	105,08
2	Nước Ghi thu	<i>m3</i>	1.339.757	93,2	1.411.780	105,38
a	Di Linh		1.249.026	95,5	1.316.452	105,40
b	Hòa Ninh		90.731	70,3	95.328	105,07
3	Tỷ lệ thất thoát	<i>%</i>	17,66	114,6	17,34	98,20
a	Di Linh		17,44	112,5	17,10	98,04
b	Hòa Ninh		20,55	141,7	20,56	100,05
4	Tổng doanh thu	<i>đồng</i>	20.056.442.500	121,2	17.237.794.800	85,9
a	Doanh thu cung cấp nước sạch	<i>đồng</i>	12.970.056.241	95,0	13.637.794.800	105,1
b	Doanh thu XDCB và thi công công trình	<i>đồng</i>	4.230.060.049	211,5	2.000.000.000	47,3
c	Doanh thu lắp đặt Chiết tính	<i>đồng</i>	771.562.719	128,6	800.000.000	103,7
d	Doanh thu mua bán vật tư ngành nước	<i>đồng</i>	1.614.401.634	807,2	500.000.000	31,0
e	Doanh thu Khác	<i>đồng</i>	470.361.857	470,4	300.000.000	63,8
5	Giá bán nước sạch	<i>đ/m3</i>	9.681	101,9	9.660	99,8
6	Số lượng lao động bình quân	<i>người</i>	39	90,7	43,0	110,3
7	Quản Lý	<i>người</i>	3	100,0	3,0	100,0
8	Quỹ lương quản lý	<i>đ/năm</i>	673.200.000	100,0	673.200.000	100,0
a	Giám đốc	<i>đ/năm</i>	257.040.000	100,0	257.040.000	100,0
b	P.Giám đốc	<i>đ/năm</i>	220.320.000	100,0	220.320.000	100,0
c	Kế toán trưởng	<i>đ/năm</i>	195.840.000	100,0	195.840.000	100,0
9	CBCNV công ty					
a	Số lượng lao động BQ(Danh sách BHXH)	<i>người</i>	40	87,0	46	115,0
b	Tổng quỹ lương CBCNV	<i>đồng</i>	3.900.814.602	99,0	4.201.449.197	107,7
c	Tổng quỹ lương cung cấp nước sạch	<i>đồng</i>	2.447.403.131	102,0	2.551.449.197	104,3
d	Tổng quỹ lương XDCB nhận thi công	<i>đồng</i>	346.002.814	96,1	300.000.000	86,7

01.06.2022

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021		KẾ HOẠCH NĂM 2022	
			THỰC HIỆN	So với Kế hoạch 2021	KẾ HOẠCH	Tỷ lệ % tăng trưởng so với 2021
e	Tổng quỹ lương XDCB TSCD vốn Cty	đồng	328.392.879	164,2	350.000.000	106,6
f	Quỹ lương Lắp đặt chiết tính	đồng	284.335.085	59,2	450.000.000	158,3
k	Quỹ lương quản lý dự án		-	-	-	-
m	Quỹ lương khác (Ăn ca,niêm chỉ...)	đồng	494.680.693	98,9	550.000.000	111,2
10	Lương bình quân CBCNV	ng tháng	8.786.000	123,0	8.140.000	92,6
12	Vốn Điều lệ công ty	đồng	14.980.000.000	10,0	14.980.000.000	100,0
13	Tổng Khách hàng	Hộ	8.368		10.668	127,5
a	Khách hàng tăng trong kỳ	Hộ	366	104,6	2.300	
b	Tỷ lệ tồn thu	%	0,47	100,0	< 1%	
14	Lợi nhuận trước thuế TNDN	đồng	1.917.179.493	126,8	1.925.000.000	100,4
15	Mức KHTSCĐ	đồng	1.718.193.774	98,2	1.890.854.000	110,0
16	Mức Phân bổ ngắn hạn	đồng	92.041.947	79,1	103.180.000	112,1
17	Mức Phân bổ dài hạn	đồng	1.172.640.002	90,0	769.220.000	65,6
18	Tổng thuế phí nộp NSNN	đồng	2.000.097.094	108,5	2.181.159.000	109,1
a	Thuế các loại	đồng	901.064.745	108,5	937.489.000	104,0
b	Phí bảo vệ môi trường nước sạch sinh	đồng	1.099.032.349	108,5	1.243.670.000	113,2
18	Tổng Mức đầu tư XDCB	đồng	3.956.813.487	77,4	2.563.564.000	64,8
a	Mua sắm hình thành tài sản cố định	đồng	2.672.480.908	121,5	1.890.854.000	70,8
b	Lắp đặt theo Ống nhánh theo NĐ 117	đồng	187.724.512	31,3	200.000.000	106,5
c	Chuyển nhượng quyền Sử dụng đất	đồng				
d	Mua sắm tài sản ngắn hạn	đồng	69.067.543	69,1	50.000.000	72,4
e	Mua sắm tài sản dài hạn	đồng	1.027.540.524	342,5	422.710.000	41,1
19	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	1.524.925.384	101	1.540.000.000	101,0
20	Dự Kiến phân phối lợi nhuận					
a	Trích 02 quỹ theo điều lệ công ty	đồng	304.985.077	100,9	308.000.000	101,0
b	Thù lao HĐQT-BKS	đồng	160.000.000	100,0	160.000.000	100,0
c	Vốn Điều lệ công ty	đồng	14.980.000.000	100,0	14.980.000.000	100,0
21	Chia cổ tức	đồng	1.059.940.307	101,0	1.072.000.000	101,1
	Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ	%	7,08	101,0	7,16	101,1

50831
CÔNG
CỔ PH
NƯỚC VÀ
DI L
LINH - T

Giải trình một số chỉ tiêu kỳ kế hoạch 2022:

1. Tỷ lệ thất thoát năm 2022 bị ảnh hưởng nhiều bởi thi công di dời công trình và nâng cấp cải tạo trạm bơm, tuyến, xả, xin kế hoạch sửa chữa nhỏ các vị trí van xả tuyến, xả cặn, van điều hành để phát huy vận hành, điều hành và chống thất thoát, chi phí trực tiếp vào chi phí sản xuất;

2. Nhân sự dự kiến tăng phần quản lý khách hàng WB21 và mở rộng mạng lưới về xã Gung ré (2 trạm tăng áp), Tân châu (1 trạm tăng áp), Đinh Lạc (1 trạm tăng áp), Hòa Ninh (1 trạm tăng áp) cần 8 nhân sự hỗ trợ điều hành, và 2 nhân sự phụ trách quản lý ghi thu, sửa chữa tổng dự kiến tăng 10 biên chế (10 nhân viên hoặc hợp đồng thời vụ);

3. Giá bán bình quân trong giai đoạn ảnh hưởng dịch bệnh kế hoạch bị ảnh hưởng, phấn đấu đạt giá bán bình quân 9.660 đồng trên một m³ nước ghi thu theo kế hoạch;

4. Tỷ lệ chia cổ tức: 7,16 %;

Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành ngày 24 tháng 5 năm 2021, theo đó kế hoạch năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh:

- Chuyển số đầu tư vượt năm 2021 là 839 triệu theo NQ đại hội cổ đông thường niên năm 2021 giảm vào kế hoạch đầu tư XD CB năm 2022; Đồng thời có phương án trả nợ gốc vay ngân hàng trong năm 2022; tối thiểu trả nợ gốc: 600 triệu trong năm 2022; Năm 2022 hạn chế đầu tư để có dòng tiền trả nợ.
- Sử dụng nguồn vốn khấu hao cơ bản để tái đầu tư, vốn SCL và vốn tại Quỹ đầu tư phát triển của Công ty, tuy nhiên chỉ đầu tư vào những hạng mục trọng tâm, trọng điểm và cấp bách, tránh đầu tư dàn trải, kéo dài, không kiểm soát được. Bên cạnh đó để có dòng tiền tái đầu tư cần phải:
 - + Tăng nguồn thu;
 - + Giảm chi tiêu, mua sắm không cần thiết;
 - + Thu hồi công nợ phải thu của khách hàng, nhân viên...;
 - + Tạo ra tính thanh khoản cao trong khả năng thanh toán;
 - + Giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh
 - + Thanh lý tài sản không dùng,
 - + Áp dụng một số biện pháp tài chính cần thiết để quản trị về định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, nhân công, chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

5. **KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XD CB NĂM 2022:** Thực hiện đầu tư XD CB lộ trình từ 2021-2023.

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	PHÂN BỐ VỐN-Triệu đồng			
			Tổng	2021	2022	2023
1	Công trình: Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước huyện Di Linh chống thất thoát (Đợt 4 - năm 2021)	Để kịp thời chống thất thoát, sửa chữa bể vỡ trên địa bàn huyện Di Linh nâng cấp tuyến ống cấp nước và khắc phục các tuyến ống sửa chữa di dời đảm bảo phù hợp quy định của các công trình mở rộng đường của UBND huyện Di Linh (đường hẻm 1190 Hùng Vương, đường Trần Phú, đường Lê Hồng Phong, các hẻm 195, 233 đường Hùng Vương, lê hồng phong, tuyến nội thị, ...) Vốn Cty đối ứng cùng hộ dân và ngân sách địa phương	700	300	350	50
2	Xây dựng trạm bơm tăng áp cấp nước trung tâm văn hoá Di Linh giai đoạn năm 2021 - 2024	Lắp đặt bơm chìm, công nghệ lọc nước, hạ điện áp 3 pha, xây dựng bể chứa, nhà trạm bơm, hàng rào để hoàn thành trạm bơm đưa vào hoạt động, bổ sung trạm bơm cung cấp nguồn nước cho HTCN. để đảm bảo cung cấp nước liên tục cho các khu vực vùng cao, khó khăn trên địa bàn huyện Di Linh (Lập chủ trương, thi công theo từng giai đoạn và tiến độ bố trí vốn XDCB)	1.100	200	400	500
3	Xây dựng trạm bơm tăng áp tại cầu 1 xã Hoà Ninh, Đỉnh trang Hoà đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho hai xã	Xây dựng nhà trạm, máy bơm giếng khoan, bổ sung công nghệ bồn lọc áp lực, hệ thống cấp và châm hóa chất, hệ thống van vận hành và điều khiển xử lý lọc, cấp nước để đảm bảo cung cấp nước cho xã Hoà Ninh, Đỉnh Trang Hoà công suất 1.000 m3/ngđ	1000	350	500	150
4	Xây dựng trạm bơm cấp nước xã Tân Nghĩa, Đỉnh Lạc	Tăng công suất nguồn cấp nước và xây dựng công nghệ xử lý, bể chứa tăng áp và hệ thống điện cung cấp cho trạm bơm đảm bảo phục vụ cung cấp cho 2000-3.000 hộ dân sử dụng trên địa bàn xã Tân nghĩa, xã Đỉnh Lạc (Phần tuyến ống và đồng hồ đã được đầu tư bằng vốn WB21) để mở rộng hệ thống khách hàng trên toàn huyện Di linh; Giai đoạn 2021: Lập thiết kế, thi công 50% tiến độ phát nước 1000 m3/ngđ, Giai đoạn 2022 - 2023: Hoàn thiện dự án cấp nước	950	200	500	
5	Sửa chữa và nâng cấp các trạm bơm cấp nước đảm bảo sản xuất năm 2021	Duy tu sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm, hệ thống nhà trạm và điện, máy bơm cho các trạm bơm đảm bảo an toàn sản xuất, công nghệ và điều khiển tự động, sửa chữa, nâng cấp theo thực tế phát sinh và khả năng bố trí nguồn kinh phí;	200	50	100	50
6	Các công trình đối ứng nguồn vốn từ đóng góp của nhân dân cùng Cty đầu tư để cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân khu vực nằm ngoài vùng cấp nước	Đối ứng cùng nhân dân sử dụng nguồn vốn xã hội hoá và khả năng bố trí nguồn kinh phí để mở rộng phạm vi cấp nước, vùng sản xuất, kinh doanh của Cty;	300	100	100	100



7	Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại xã Gung Ré	Khoan giếng khảo sát tìm kiếm nguồn nước để xây dựng mở rộng và đảm bảo đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt cho nhân dân trong khu vực theo định hướng đầu tư phát triển của công trình: Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn xã Gung Ré.	200	100	100	
8	Khoan giếng cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại thôn Đòng Lạc 2, Đòng Lạc 4, Tân Lạc 2 xã Đinh Lạc	Khoan giếng khảo sát tìm kiếm nguồn nước để xây dựng mở rộng và đảm bảo đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt cho nhân dân trong khu vực theo định hướng đầu tư phát triển của công trình WB21.	300	100	200	
9	Cấp quyền khai thác và gia hạn quyền khai thác cấp nước đối với các giếng khoan đã hết hạn cấp phép	Tư vấn lập hồ sơ: Các giếng khoan cấp quyền gia đoạn 2016, và cấp mới GK Hòa Ninh, Tân nghĩa	240	240		
10	Sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm trên địa bàn huyện Di Linh năm 2021	Sửa chữa lớn, nâng cấp, bảo dưỡng các trạm bơm và hệ thống vận hành trên hệ thống	360	360		
11	Sửa chữa nhà kho, hàng rào đề nghị Phát sinh năm 2022.	Sửa chữa, gia cố hàng rào, nhà kho, xường trên đài nước 500m ³	-	-	50	
12	Giảm giá trị đầu tư vượt năm 2021 chuyển sang				(839)	
TỔNG CỘNG			5.350	2.000	1461	1.100

Đối với các vấn đề đầu tư kết hợp nguồn vốn nhân dân đóng góp như vận động, trực chung, đầu tư cùng vốn ngân sách để tiết kiệm chi phí đầu tư ống cấp nước của Cty xin sẽ báo cáo HĐQT quyết định đối với từng công trình để tận dụng tối đa nguồn xã hội hóa, giảm đầu tư của Cty và mở rộng thị trường cung cấp nước trên địa bàn huyện Di Linh;

Ban giám đốc công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di linh kính trình Đại hội cổ đông 2022./.

TM. BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KHẮC DŨNG

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- HĐQT-BKS;
- Website cty:diliwaco.com
- Lưu VT/TK HĐQT

01.06.2022